**KẾ HOẠCH DẠY HỌC MÔN TIẾNG VIỆT LỚP 1**

CHỦ ĐỀ 22: **MƯA VÀ NẮNG**

BÀI 3: **CẦU VỒNG**

1. **MỤC TIÊU:**
2. **Năng lực chung:**

* Năng lực tự chủ và tự học: Biết chuẩn bị đồ dùng học tập.
* Năng lực giao tiếp và hợp tác: Biết trao đổi, thảo luận quá trình học qua hoạt động nhóm.
* Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: Phát triển năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo qua hoạt động thực hành.

1. **Năng lực đặc thù:**

* Phát triển năng lực về văn học:

+ Luyện tập khả năng nhận diện vần thông qua hoạt động tìm tiếng trong bài và từ ngữ ngoài bài có chứa tiếng có vần cần luyện tập và đặt câu.

+ Nhận diện từ chỉ màu sắc.

+ Tô đúng kiểu chữ hoa chữ C và viết câu ứng dụng. Bước đầu thực hiện kĩ năng nghe-viết câu văn.

+ Phân biệt quy tắc chính tả c/k và phân biệt đúng chính tả ch/tr.

* Phát triển năng lực về ngôn ngữ:

+ Từ kinh nghiệm xã hội của bản thân, nói về hiện tượng cầu vồng.

+ Đọc trơn bài đọc, bước đầu ngắt nghỉ đúng chỗ có dấu câu.

+ Luyện tập đặt tên cho bức tranh. Phát triển ý tưởng thông qua việc trao đổi với bạn.

+ Bồi dưỡng tinh thần ham học hỏi, khám phá khi tìm hiểu về một thông tin khoa học.

1. **Phẩm chất:** Rèn luyện phẩm chất chăm chỉ qua các hoạt động học tập; rèn luyện phẩm chất trung thực qua việc thực hiện các nội dung kiểm tra, đánh giá.
2. **PHƯƠNG TIỆN DẠY HỌC:**
3. **GV:**

* Một số tranh ảnh, mô hình hoặc vật thật dùng minh hoạt tiếng có vần ong, ông kèm theo thẻ từ.
* Một số bức tranh, ảnh nghệ thuật kèm tên gọi (nếu có).
* Mẫu tô chữ viết hoa và khung chữ mẫu chữ C.

1. **HS:**

SHS, VBT, VTV.

1. **CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG GIÁO VIÊN** | **ĐIỀU MONG ĐỢI Ở HỌC SINH** |
| **TIẾT 1**  **Hoạt động 1: Ổn định lớp và kiểm tra bài cũ (5 phút)**  **- Mục tiêu:** Ổn định lớp và ôn lại bài cũ (tiếng, từ, câu có chứa anh hay ang)  - Cho HS hát bài: Cho tôi đi làm mưa với.  - Gọi 1 HS đọc lại bài Mặt trời và hạt đậu. 1 HS tìm tiếng, từ có vần anh, ang.  - GV giới thiệu sau cơn mưa, trên bầu trời các em thường thấy gì?  - GV nhận xét.  **Hoạt động 2: Khởi động (10 phút)**  **- Mục tiêu:** Tạo hứng thú cho HS vào bài mới và kết nối bài. Từ kinh nghiệm bản thân nói về hiện tượng cầu vồng.  - GV yêu cầu HS mở SHS trang 40.  - GV cho HS quan sát tranh và yêu cầu HS hoạt động cá nhân và trả lời câu hỏi: Em thấy những gì trong bức ảnh dưới đây?  - GV gọi HS nhận xét, sửa lỗi nếu có.  - GV nhận xét.  - GV giới thiệu tên chủ đề.  - GV cho HS thảo luận nhóm đôi trao đổi về màu sắc và một số điều em biết về cầu vồng (GV gợi ý thêm để HS biết dùng một số từ ngữ đánh giá như đẹp, rực rỡ,…)  - GV ghi tên bài: Cầu vồng. HS nhắc lại.   1. **Hoạt động 3: Luyện đọc văn bản (20 phút)**   **- Mục tiêu:** Đọc trơn bài đọc, bước đầu ngắt nghỉ đúng chỗ có dấu câu.  **3.1. Luyện đọc: (15 phút)**  - GV đọc mẫu (GV chú ý ngắt nghỉ hơi theo dấu câu), kèm theo một vài câu hỏi gợi ý nhằm thu hút HS:  + Cầu vồng có mấy màu?  + Cầu vồng có những màu sắc nào?  + Cầu vồng có có hình dạng như thế nào?  - GV đọc một số từ khó đọc như: trước, rực rỡ, ẩn chứa,…  - GV yêu cầu HS đọc cho nhau nghe theo cá nhân, nhóm đôi. HS theo dõi, nhận xét bạn.  - GV cho HS đọc nối tiếp từng câu đến hết bài, hết lớp.  - GV nhận xét.  **3.2. Giải nghĩa từ khó hiểu: (5 phút)**  - GV nêu một số từ khó hiểu như:  + Vòng cung rực rỡ: Là một nửa vòng tròn có màu sắc bắt mắt.  + Nổi bật: Dễ dàng nhận thấy.  + Ẩn chứa: Nằm bên trong một điều hay một vật gì đó.  + Điều lí thú: Là điều làm cho người ta cảm thấy thú vị và ý nghĩa.  - GV yêu cầu HS đọc đồng thanh các từ khó hiểu.  - GV nhận xét tiết học. | **-** Cả lớp hát.  - 2 HS làm bài.  - Cầu vồng.  - HS lắng nghe.  - HS thực hiện theo yêu cầu.  - HS trả lời: Bức ảnh có cầu vồng, cây và núi.  - HS nhận xét.  - HS lắng nghe.  - Đại diện một số nhóm trình bày.  - HS lắng nghe và nhắc lại tên bài.  - HS lắng nghe GV đọc mẫu và trả lời câu hỏi gợi ý của GV:  + Cầu vồng có 7 màu.  + Cầu vồng có màu đỏ, cam, vàng, lục, lam, chàm, tím.  + Cầu vồng có hình cong.  - HS lắng nghe.  - HS làm theo yêu cầu.  - HS đọc theo yêu cầu. Chú ý quan sát bạn để đọc cho đúng.  - HS lắng nghe.  - HS đọc lại 1 lần nữa. |
| **TIẾT 2**  **\* Tìm tiếng chứa vần ong, ông có trong bài (10 phút)**  **- Mục tiêu:** Luyện tập khả năng nhận diện vần thông qua hoạt động tìm tiếng trong bài.  - GV cho HS đọc lại bài đọc theo cá nhân, nhóm đôi, đồng thanh cả lớp.  - GV cho HS tìm tiếng trong bài có chứa vần ong, ông.  - GV yêu cầu HS đọc to tiếng vừa tìm được. HS khác nhận xét bạn đọc.  - GV nhận xét.  **\* Tìm từ ngữ chứa vần ong, ông ở ngoài bài và đặt câu có chứa tiếng vừa tìm được (10 phút)**  **- Mục tiêu:** Tìm từ ngữ ngoài bài có chứa tiếng có vần cần luyện tập và đặt câu.  - GV cho HS hoạt động nhóm đôi để kể cho nhau nghe về các từ tìm được ở ngoài bài như: dòng sông, con ong, cây thông, quả bóng,…  - Đại diện một số nhóm trình bày. Nhóm khác nhận xét.  - Yêu cầu HS đặt câu với từ ngữ vừa tìm được theo khả năng của mình.  - GV nhận xét HS đặt câu.  **\* Trả lời câu hỏi trong SHS (15 phút)**  **- Mục tiêu:** Phát triển ý tưởng thông qua việc trao đổi với bạn  - GV cho HS đọc thầm lại bài một lần.  - Yêu cầu 1 HS đọc câu hỏi trong SHS.  - GV cho HS thảo luận theo nhóm đôi trả lời 2 câu hỏi. Sau đó trả lời theo nhóm lớn.  + Tìm các từ ngữ chỉ màu sắc nổi bật của cầu vồng?  + Em có thích cầu vồng không? Vì sao? (HS trả lời theo hướng mở, không cần đi theo khuôn mẫu, tuyên dương HS có câu trả lời thú vị).  - GV nhận xét, tổng hợp lại câu trả lời.  - GV nhận xét tiết học. | - HS đọc lại bài.  - HS tìm tiếng.  + ong: vòng.  + ông: vồng , trông.  - HS làm theo yêu cầu.  - HS kể cho nhau nghe các từ mình tìm được.  - HS lắng nghe, nhận xét.  - HS đặt câu:  + Dòng sông xanh biếc.  + Con ong rất chăm chỉ.  + Cây thông thật cao.  + Mẹ mua cho bé quả bóng mới.  - HS đọc lại bài.  - 1 HS đọc câu hỏi.  - HS hoạt động theo nhóm đôi, nhóm lớn.  + Bảy màu nổi bật: đỏ, cam, vàng, lục, lam, chàm, tím.  + HS trả lời theo ý mình. |
| **TIẾT 3**  **Hoạt động 4: Luyện tập viết hoa, chính tả (35 phút)**  **- Mục tiêu:** Tô đúng kiểu chữ hoa chữ C và viết câu ứng dụng. Bước đầu thực hiện kĩ năng nghe-viết câu văn.  **4.1. Tô chữ viết hoa C và viết câu ứng dụng (10 phút)**  a. Tô chữ viết hoa C:(5 phút)  - GV treo mẫu chữ hoa C lên bảng và cho HS quan sát, đồng thời nêu cấu tạo nét của chữ: Chữ hoa C gồm hai nét là nét cong phải và nét cong trái.  - GV tô mẫu, nêu cách viết: Đặt bút trên đường kẻ dọc số 2, dưới dòng kẻ ngang số 4, viết một nét cong trái nhỏ trên dòng kẻ ngang số 2, lượn vòng lên chạm đường kẻ dọc số 3 viết tiếp nét cong trái liền mạch với nét cong phải và dừng bút trước đường kẻ dọc số 3, dưới dòng kẻ ngang số 2.  \* Lưu ý: Chỗ bắt đầu viết nét cong trái phải ngang bằng với điểm đặt bút.  - GV cho HS dùng ngón tay viết con chữ C hoa lên không khí hoặc mặt bàn để làm quen trước mặt chữ.  - GV cho HS viết chữ hoa C vào VTV (chú ý điểm đặt bút và kết thúc).  - GV quan sát sửa lỗi sai cho HS (nếu có).  b. Viết câu ứng dụng:(5 phút)  - GV cho HS đọc câu ứng dụng: Cầu vồng có bảy màu rực rỡ.  - GV viết mẫu chữ Cầu (Chú ý đầu câu viết hoa).  - GV viết mẫu phần còn lại.  - GV cho HS viết câu và VTV. Sau khi viết xong, GV hướng dẫn nhóm đôi trao đổi vở rồi đánh giá bài mình và bạn.  - GV nhận xét chung.  **4.2. Chính tả nghe-viết: (15 phút)**  - GV cho HS đọc câu cần viết: Cầu vồng thường xuất hiện trên bầu trời trước hoặc sau cơn mưa.  - GV cho HS đọc một số tiếng, từ khó dễ viết sai: vồng, xuất, trước,…  - GV cho HS viết câu và VTV.  - Sau khi viết xong, GV hướng dẫn nhóm đôi trao đổi vở rồi đánh giá bài mình và bạn.  **4.3. Bài tập chính tả: (10 phút)**  - GV cho HS đọc yêu cầu bài tập.  - Cho HS nhắc lại quy tắc chính tả c/k.  - GV treo tranh gợi ý từng bài tập.  - Cho HS thực hiện bài tập.  - GV cho HS thử đặt câu với từ vừa tìm được.  - GV hướng dẫn nhóm đôi trao đổi vở rồi đánh giá bài mình và bạn.  (Còn thời gian HS làm tiếp bài tập còn lại hoặc chuyển sang tiết ôn tập) | - HS quan sát và lắng nghe.  - HS quan sát.  - HS viết bóng.  - HS viết vào VTV.  - HS đọc.  - HS quan sát.  - HS quan sát.  - HS viết và nhận xét bài mình và bạn.  - HS đọc lại câu cần viết.  - HS đánh vần các từ khó.  - HS viết vào VTV.  - HS đánh giá bài bạn và bài mình.  - HS đọc yêu cầu.  - Trước e, ê, i là chữ k. Còn lại viết k.  - HS quan sát tranh.  - HS làm bài.  - HS đặt thử câu.  - HS viết và nhận xét bài mình và bạn. |
| **TIẾT 4**  **Hoạt động 5: Luyện tập nói, viết sáng tạo (20 phút)**  **5.1. Nói sáng tạo: Luyện tập đặt tên cho bức tranh (15 phút)**  - GV treo tranh và cho HS quan sát.  - GV cho HS thảo luận nhóm ba và trả lời câu hỏi gợi ý:  + Mọi người đang làm gì?  + Mọi người làm công việc đó như thế nào?  + Em sẽ đặt tên gì cho bức tranh?  - GV cho HS đại diện trả lời. HS khác nhận xét.  - GV cho HS thảo luận nhóm đôi về việc đặt tên cho bức tranh (GV chú ý cho HS đặt tên tranh dễ nhớ, có ý nghĩa, nêu được nội dung bức tranh,…)  VD: Chúng em cùng trồng cây, Gieo trồng màu xanh,…  - GV treo thêm một số bức tranh liên quan đến chủ đề trồng cây.  **5.2. Viết sáng tạo (5 phút)**  - GV yêu cầu HS viết tên bức tranh vào vở. HS đánh giá, nhận xét bài của mình.  - GV nhận xét chung.  **Hoạt động 6: Hoạt động mở rộng (10 phút)**  - GV cho HS đọc bài thơ mà mình biết liên quan đến chủ đề Mưa và nắng.  - GV có thể nêu thêm một số bài thơ hoặc bài hát.  **Hoạt động 7: Củng cố, dặn dò (5 phút)**  - GV cho 2-3 HS nhắc lại nội dung bài vừa học (tên bài, các hình ảnh đẹp, những điều nên hay không nên khi đặt tên tranh,… Không yêu cầu HS nhớ hết các nội dung đã liệt kê)  - GV dặn dò HS chuẩn bị bài cho tiết sau: bài Thực hành. | - HS quan sát tranh.  - HS thảo luận và trả lời:  + Mọi người trồng cây.  + Mọi người sẽ xới đất, trồng cây, tưới nước.  + Tùy vào HS đặt tên cho tranh: Em trồng cây, Trồng cây xanh tốt,…  - HS nhận xét.  - HS thảo luận và đặt tên cho bức tranh.  - HS quan sát tranh.  - HS viết vào vở và nhận xét.  - HS lắng nghe.  - HS nói với bạn hoặc cả lớp nghe về bài thơ, tên tác giả, điều em thích nhất ở bài thơ.  - HS lắng nghe thêm.  - 2-3 HS nhắc lại.  - HS lắng nghe. |